

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP THEO TỔ HỢP XÉT TUYỂN
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON - HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2025

TT	Số báo danh	Họ tên		Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn XT	Điểm THPT												Điểm TBC Môn 1	Điểm TBC Môn 2	Điểm thi năng khiếu	Tổng điểm 3 môn	Điểm ưu tiên (Khu vực + Đối tượng)	Điểm ưu tiên (Đã tính quy đổi)	Tổng điểm xét tuyển học bạ	Tổng điểm xét tuyển điểm thi THPT	Ghi chú
							K1-M1 - Lớp 10	K2-M1 - Lớp 10	K1-M2 - Lớp 10	K2-M2 - Lớp 10	K1-M1 - Lớp 11	K2-M1 - Lớp 11	K1-M2 - Lớp 11	K2-M2 - Lớp 11	K1-M1 - Lớp 12	K2-M1 - Lớp 12	K1-M2 - Lớp 12	K2-M2 - Lớp 12									
1	NK.001	Bạch Kim	Anh	05/5/2006	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	5.4	5.4	7.3	6.8	6.2	6.4	7.6	7.1	8.0	7.7	9.0	9.0	6.52	7.80	6.75	21.07	1.00	1.00	22.07	20.79	
2	NK.002	Bùi Diệp	Anh	27/11/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK													7.00	7.00	7.50	21.50	2.75	2.75		24.25	
3	NK.003	Bùi Thị Vân	Anh	12/12/2005	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	5.7	6.1	5.9	6.8	6.6	6.6	6.5	7.1	6.6	7.2	7.6	7.2	6.47	6.85	9.00	22.32	2.00	2.00	24.32	23.04	
4	NK.004	Kim Thị Thục	Anh	09/9/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													7.50	7.25	8.00	22.75	2.75	2.66		25.41	
5	NK.005	Lê Phương	Anh	25/12/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.1	6.5	5.5	6.2	5.3	6.2	5.8	6.3	6.7	6.7	7.5	7.5	6.25	6.47	9.75	22.47	0.50	0.50	22.97	21.69	
6	NK.006	Lê Thị Kiều	Anh	23/11/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.5	6.7	5.9	6.7	6.4	7.1	7.6	7.1	7.9	8.0	7.8	8.0	7.10	7.18	8.25	22.53	1.50	1.49	24.03	22.75	
7	NK.007	Lê Thị Minh	Anh	25/10/2007	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK													7.50	8.00	6.00	21.50	0.50	0.50		22.00	
8	NK.008	Lương Quỳnh	Anh	07/07/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.2	6.6	5.1	6.8	5.5	6.8	6.5	6.8	6.7	7.4	8.4	8.3	6.53	6.98	6.50	20.02	2.75	2.75	22.77	21.49	
9	NK.009	Nguyễn Lan	Anh	23/10/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													8.00	10.00	9.00	27.00	0.75	0.30		27.30	
10	NK.010	Nguyễn Thị Vân	Anh	29/3/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													7.25	8.50	8.25	24.00	0.75	0.60		24.60	
11	NK.011	Phạm Quỳnh	Anh	21/9/2007	M10	Toán, Tiếng Anh, NK	7.1	6.7	6.7	7.5	8.0	8.0	7.9	8.0	9.0	8.8	8.0	8.6	7.93	7.78	6.75	22.47	0.25	0.25	22.72	21.44	
12	NK.012	Võ Ngọc	Anh	12/09/2007	M10	Toán, Tiếng Anh, NK	6.2	6.4	8.2	8.2	7.2	6.8	7.3	7.8	8.3	7.9	8.6	8.9	7.13	8.17	6.75	22.05	0.75	0.75	22.80	21.52	
13	NK.013	Bùi Ngọc	Ánh	08/08/2007	M00	Ngữ văn, Toán, NK	6.2	7.6	7.0	6.4	6.6	5.9	6.8	6.4	5.7	7.5	7.3	7.4	6.58	6.88	6.00	19.47	2.75	2.75	22.22	20.94	
14	NK.014	Bùi Thị	Ánh	01/07/2007	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK	6.6	6.9	7.1	6.9	6.3	6.5	6.4	6.0	6.8	7.1	5.9	7.0	6.70	6.55	8.50	21.75	2.75	2.75	24.50	23.22	
15	NK.015	Lò Thị Phương	Châm	17/5/2007	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK	7.1	7.2	6.0	7.3	6.4	6.7	7.1	7.4	6.3	7.0	7.0	8.0	6.78	7.13	6.00	19.92	2.75	2.75	22.67	21.39	
16	NK.016	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	01/12/2006	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.1	7.0	7.1	5.1	7.4	6.9	6.0	7.9	7.4	8.3	8.0	7.2	7.18	6.88	8.00	22.07	0.75	0.75	22.82	21.54	
17	NK.017	Hà Thị Huyền	Chân	04/8/2007	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK	7.0	7.2	4.9	7.1	7.7	7.2	5.6	6.8	6.7	6.5	6.8	7.2	7.05	6.40	7.25	20.70	2.75	2.75	23.45	22.17	
18	NK.018	Tạ Phương	Chi	31/8/2001	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK	7.6	6.3	7.9	8.3	6.5	6.9	8.0	7.3	6.5	7.7	7.3	7.1	6.92	7.65	8.50	23.07	0.00	0.00	23.07	21.79	
19	NK.019	Bùi Thị	Chinh	01/6/2005	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.6	7.0	6.8	6.6	6.2	5.9	6.3	6.8	5.6	7.1	7.5	8.6	6.40	7.10	8.00	21.50	2.00	2.00	23.50	22.22	
20	NK.020	Sùng Y	Cúc	05/01/2007	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK													6.75	7.00	8.25	22.00	2.75	2.75		24.75	
21	NK.021	Bùi Thị Hồng	Diễm	13/3/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.9	7.4	7.4	6.2	6.3	7.1	7.5	7.1	7.3	7.0	7.4	7.2	7.00	7.13	8.00	22.13	2.75	2.75	24.88	23.60	
22	NK.022	Nguyễn Thị Thúy	Diệu	16/11/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	5.1	5.4	6.8	7.3	4.9	5.5	7.6	7.6	6.7	7.0	7.3	7.9	5.77	7.42	6.00	19.18	2.75	2.75	21.93	20.65	
23	NK.023	Hà Thị Hồng	Duyên	18/8/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK													7.25	9.00	8.00	24.25	2.75	2.11		26.36	
24	NK.024	Đoàn Hương	Giang	15/12/2007	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK	7.1	7.4	5.5	6.3	7.4	7.9	7.0	7.3	8.3	8.2	7.1	7.6	7.72	6.80	9.75	24.27	0.75	0.57	24.84	23.56	
25	NK.025	Bùi Thị	Hà	29/11/2004	M00	Ngữ văn, Toán, NK	6.3	6.4	6.0	7.3	7.9	6.6	7.1	5.0	6.9	6.8	6.6	7.7	6.82	6.62	8.75	22.18	2.00	2.00	24.18	22.90	
26	NK.026	Bùi Thị Ngọc	Hà	26/8/2007	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK													7.25	7.75	5.75	20.75	2.75	2.75		23.50	
27	NK.027	Ngô Nhật	Hà	09/03/2007	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK													6.75	7.25	7.25	21.25	2.75	2.75		24.00	
28	NK.029	Quách Thị	Hằng	31/03/2207	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.5	6.9	5.9	7.2	6.1	6.7	6.7	6.9	7.2	6.5	6.1	7.2	6.65	6.67	7.00	20.32	2.75	2.75	23.07	21.79	

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn XT	Điểm THPT												Điểm TBC Môn 1	Điểm TBC Môn 2	Điểm thi năng khiếu	Tổng điểm 3 môn	Điểm ưu tiên (Khu vực + Đối tượng)	Điểm ưu tiên (Đã tính quy đổi)	Tổng điểm xét tuyển học bạ	Tổng điểm xét tuyển điểm thi THPT	Ghi chú
						K1-M1 - Lớp 10	K2-M1 - Lớp 10	K1-M2 - Lớp 10	K2-M2 - Lớp 10	K1-M1 - Lớp 11	K2-M1 - Lớp 11	K1-M2 - Lớp 11	K2-M2 - Lớp 11	K1-M1 - Lớp 12	K2-M1 - Lớp 12	K1-M2 - Lớp 12	K2-M2 - Lớp 12									
29	NK.031	Giàng Y Hậu	28/12/2007	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK													6.25	8.25	8.50	23.00	2.75	2.57		25.57	
30	NK.034	Nguyễn Thu Hiền	09/5/2006	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK	6.4	7.3	6.3	6.9	7.6	7.2	6.9	6.6	7.3	8.0	7.4	8.0	7.30	7.02	7.75	22.07	2.75	2.75	24.82	23.54	
31	NK.035	Hà Thị Hồng Hoa	12/05/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.7	7.2	7.9	8.1	7.9	8.3	7.6	7.3	8.1	8.0	7.6	8.3	7.70	7.80	7.25	22.75	2.75	2.66	25.41	24.13	
32	NK.036	Nguyễn Thị Hồng	30/8/2007	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK	6.3	5.8	6.3	6.6	6.0	6.8	6.5	7.0	7.2	6.8	7.8	8.1	6.48	7.05	6.50	20.03	2.75	2.75	22.78	21.50	
33	NK.037	Nguyễn Thanh Huệ	08/7/2005	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	5.2	6.0	5.8	6.4	5.7	6.0	5.9	8.1	6.4	7.5	5.5	7.0	6.13	6.45	6.25	18.83	2.00	2.00	20.83	19.55	
34	NK.038	Bùi Lan Hương	22/10/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.2	6.7	7.6	7.0	7.7	7.9	5.9	8.1	7.8	7.6	6.8	8.0	7.32	7.23	7.00	21.55	2.75	2.75	24.30	23.02	
35	NK.039	Bùi Thị Thu Hương	24/7/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													7.00	7.50	7.00	21.50	2.75	2.75		24.25	
36	NK.040	Nguyễn Mai Hương	23/9/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.0	7.0	7.0	8.4	7.0	7.5	7.5	8.2	8.4	8.2	8.3	8.2	7.52	7.93	6.50	21.95	1.25	1.25	23.20	21.92	
37	NK.041	Nguyễn Quỳnh Hương	04/9/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.2	7.3	6.5	7.7	7.1	7.3	7.5	8.1	7.3	6.9	8.0	8.4	7.18	7.70	7.50	22.38	0.75	0.75	23.13	21.85	
38	NK.042	Nguyễn Thu Hương	03/11/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	5.7	6.0	5.9	7.7	6.4	6.6	7.6	6.3	6.0	7.5	8.0	7.5	6.37	7.17	7.50	21.03	2.75	2.75	23.78	22.50	
39	NK.043	Bùi Thị Hương	13/01/2003	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.2	6.2	7.3	7.6	5.9	6.3	6.8	7.0	6.9	7.1	7.7	6.6	6.43	7.17	8.00	21.60	2.00	2.00	23.60	22.32	
40	NK.044	Bùi Thị Thu Hương	15/11/2006	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6.2	6.8	5.1	7.4	6.7	6.8	7.4	7.4	6.9	6.8	6.6	6.9	6.70	6.80	7.00	20.50	2.75	2.75	23.25	21.97	
41	NK.045	Nguyễn Thanh Hương	09/7/2007	M10	Toán, Tiếng Anh, NK	5.0	5.5	4.4	5.3	5.6	6.6	6.6	6.4	6.8	7.3	7.1	7.3	6.13	6.18	5.75	18.07	0.75	0.75	18.82	17.54	
42	NK.047	Bùi Thị Thanh Huyền	29/12/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.2	6.6	6.2	5.3	6.5	6.9	8.1	8.4	7.2	7.5	7.8	9.1	6.82	7.48	8.50	22.80	2.75	2.64	25.44	24.16	
43	NK.049	Hoàng Thanh Huyền	30/4/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.6	7.2	7.2	7.6	7.6	7.8	6.8	7.2	6.9	7.8	7.5	8.1	7.32	7.40	6.75	21.47	0.75	0.75	22.22	20.94	
44	NK.050	Nguyễn Ngọc Huyền	14/11/2007	M10	Toán, Tiếng Anh, NK	7.0	5.6	6.6	5.8	6.5	7.3	6.8	7.0	6.8	6.3	7.1	7.2	6.58	6.75	6.75	20.08	0.75	0.75	20.83	19.55	
45	NK.051	Bùi Thị Hồng Khanh	17/7/2006	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK	5.9	6.4	7.4	7.2	7.3	7.6	7.2	7.5	7.6	7.7	8.3	8.2	7.08	7.63	6.75	21.47	2.75	2.75	24.22	22.94	
46	NK.052	Bùi Thị Anh Kiều	15/12/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	6.9	8.0	7.4	8.3	8.0	8.0	8.3	7.0	8.0	8.1	7.5	8.4	7.83	7.82	7.50	23.15	2.75	2.51	25.66	24.38	
47	NK.053	Nguyễn Hoàng Lan	14/12/2007	M00	Ngữ văn, Toán, NK													8.00	6.25	9.75	24.00	0.75	0.60		24.60	
48	NK.054	Quách Thị Hương Lan	23/8/2007	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK	6.2	6.0	7.5	6.3	5.6	6.9	8.0	7.8	7.1	7.6	9.0	9.3	6.57	7.98	7.75	22.30	2.75	2.75	25.05	23.77	
49	NK.055	Mùi Ngọc Lê	08/04/2007	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK	7.2	7.0	7.2	6.6	7.0	6.9	7.8	8.0	6.8	7.1	8.6	8.0	7.00	7.70	9.00	23.70	2.75	2.31	26.01	24.73	
50	NK.057	Bùi Thu Lệ	13/7/2007	M00	Ngữ Văn, Toán, NK	6.1	6.7	7.4	7.2	6.4	6.3	7.6	7.3	7.0	7.2	8.0	8.5	6.62	7.67	6.00	20.28	2.75	2.75	23.03	21.75	
51	NK.058	Bùi Thị Hồng Liên	12/9/2007	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6.4	6.7	6.7	6.3	6.2	6.8	8.0	7.5	7.2	7.5	7.9	7.9	6.80	7.38	8.50	22.68	2.75	2.68	25.37	24.09	
52	NK.060	Bùi Mai Linh	23/7/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK													6.75	6.50	7.00	20.25	2.75	2.75		23.00	
53	NK.061	Bùi Thị Diệu Linh	15/8/2007	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6.9	7.0	5.5	6.2	5.2	6.8	4.8	6.4	6.1	7.0	6.5	7.6	6.50	6.17	9.50	22.17	2.75	2.75	24.92	23.64	
54	NK.063	Nguyễn Thùy Linh	12/7/2006	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	7.2	7.8	7.8	8.1	7.1	7.8	6.7	7.8	7.8	7.8	8.4	8.4	7.58	7.87	8.50	23.95	2.75	2.22	26.17	24.89	
55	NK.065	Phạm Thuý Linh	27/11/2007	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK													7.25	9.00	7.75	24.00	0.75	0.60		24.60	
56	NK.066	Bùi Phương Loan	28/7/2006	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK	6.7	6.7	6.9	7.9	7.1	7.1	7.6	9.0	7.1	7.7	8.8	8.1	7.07	8.05	7.25	22.37	2.75	2.75	25.12	23.84	
57	NK.067	Bùi Thị Loan	17/10/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK													8.00	6.50	6.00	20.50	2.75	2.75		23.25	
58	NK.068	Bùi Thị Hồng Luyện	21/9/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK													7.75	7.75	9.50	25.00	2.75	1.83		26.83	
59	NK.069	Nguyễn Thị Minh Luyện	17/4/2001	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	7.1	7.3	6.0	6.4	6.7	6.7	6.6	6.1	7.0	6.7	6.6	7.9	6.92	6.60	9.00	22.52	1.00	1.00	23.51	22.23	
60	NK.070	Quách Thị Khánh Ly	10/9/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	6.1	6.7	5.7	7.6	5.9	6.6	8.4	7.0	7.4	7.2	8.1	8.5	6.65	7.55	8.25	22.45	2.75	2.75	25.20	23.92	
61	NK.071	Quách Thanh Mai	14/12/2003	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	7.3	7.5	6.5	6.4	6.2	6.5	6.4	6.5	6.5	6.9	7.5	7.7	6.82	6.83	8.75	22.40	2.00	2.00	24.40	23.12	
62	NK.072	Bùi Thị Trà Mi	22/8/2007	M00	Ngữ văn, Toán, NK	6.4	7.3	7.0	7.4	7.4	6.4	7.1	6.7	6.3	7.1	8.2	8.2	6.82	7.43	8.25	22.50	2.75	2.75	25.25	23.97	
63	NK.073	Đặng Thị Trà My	05/3/2006	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	7.3	7.5	8.4	8.5	8.0	7.7	7.3	8.0	7.8	8.1	7.3	8.8	7.73	8.05	7.50	23.28	2.75	2.46	25.75	24.47	

TRU
CAC
SU
HC

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn XT	Điểm THPT												Điểm TBC Môn 1	Điểm TBC Môn 2	Điểm thi năng khiếu	Tổng điểm 3 môn	Điểm ưu tiên (Khu vực + Đối tượng)	Điểm ưu tiên (Đã tính quy đổi)	Tổng điểm xét tuyển học bạ	Tổng điểm xét tuyển điểm thi THPT	Ghi chú
						K1-M1 - Lớp 10	K2-M1 - Lớp 10	K1-M2 - Lớp 10	K2-M2 - Lớp 10	K1-M1 - Lớp 11	K2-M1 - Lớp 11	K1-M2 - Lớp 11	K2-M2 - Lớp 11	K1-M1 - Lớp 12	K2-M1 - Lớp 12	K1-M2 - Lớp 12	K2-M2 - Lớp 12									
64	NK.074	Lê Trà My	30/4/2007	M00	Ngữ văn, Toán, NK	6.5	7.2	6.2	7.1	5.8	5.6	6.8	6.0	6.6	5.6	7.8	7.5	6.22	6.90	7.00	20.12	0.75	0.75	20.87	19.59	
65	NK.075	Quách Thị Na	23/8/2007	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK	5.8	6.8	7.3	6.2	6.1	7.0	7.5	7.6	7.5	8.3	8.9	9.1	6.92	7.77	9.50	24.18	2.75	2.13	26.32	25.04	
66	NK.076	Đinh Hương Nga	15/8/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	5.1	6.0	4.5	5.7	6.0	6.0	5.6	7.5	6.2	7.5	8.0	8.6	6.13	6.65	6.25	19.03	2.75	2.75	21.78	20.50	
67	NK.077	Bùi Ngọc Ngà	24/9/2006	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	7.0	6.3	6.3	6.7	7.0	8.1	6.4	6.1	7.3	8.9	8.2	8.8	7.43	7.08	8.50	23.02	2.75	2.56	25.58	24.30	
68	NK.078	Bùi Thị Bích Ngà	07/6/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK	7.2	7.4	6.2	7.4	7.6	8.3	7.4	6.6	8.4	7.9	7.7	8.4	7.80	7.28	7.00	22.08	2.75	2.75	24.83	23.55	
69	NK.079	Lương Thị Thuý Ngà	31/12/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK													7.00	8.75	8.50	24.25	2.75	2.11		26.36	
70	NK.080	Xa Thị Tuyết Ngân	09/11/2006	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	6.8	6.9	5.1	6.0	5.6	6.9	5.3	6.4	6.9	7.7	6.2	8.4	6.80	6.23	7.25	20.28	2.75	2.75	23.03	21.75	
71	NK.081	Bùi Thị Linh Ngọc	07/3/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	5.7	6.4	7.0	7.1	6.9	6.5	6.0	6.1	7.1	6.8	7.3	7.3	6.57	6.80	7.50	20.87	2.75	2.75	23.62	22.34	
72		Hoàng Thị Bích Ngọc	18/01/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK													9.00	9.00	8.12	26.12	0.25	0.13		26.25	Lấy KQNK từ CSDT khác
73	NK.082	Nguyễn Linh Ngọc	30/7/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	7.5	8.2	7.7	8.3	8.2	8.2	8.8	8.3	8.0	8.0	9.2	8.9	8.02	8.53	9.50	26.05	2.75	1.45	27.50	26.22	
74	NK.083	Nguyễn Thị Hải Ngọc	10/3/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	6.8	7.5	7.6	7.4	6.9	6.8	6.9	7.5	6.5	7.7	8.2	8.3	7.03	7.65	5.50	20.18	2.75	2.75	22.93	21.65	
75	NK.084	Bùi Thị Thảo Nguyên	15/4/2000	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	5.9	6.3	8.5	8.1	7.0	7.3	7.3	7.7	7.7	7.9	8.4	8.6	7.02	8.10	7.75	22.87	2.00	1.90	24.77	23.49	
76	NK.085	Bùi Thị Thảo Nguyên	14/02/1999	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	8.0	8.0	7.1	7.3	8.3	8.3	7.3	8.4	7.3	8.1	8.1	6.9	8.00	7.52	9.00	24.52	2.00	1.46	25.98	24.70	
77	NK.086	Bàn Thị Yến Nhi	03/9/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.3	6.7	5.6	7.0	6.8	7.2	6.9	8.1	7.5	8.0	8.0	8.3	7.08	7.32	7.50	21.90	2.75	2.75	24.65	23.37	
78	NK.087	Ngân Nguyễn Yến Nhi	09/7/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	6.8	6.9	6.8	7.6	5.9	6.4	7.1	7.4	6.9	7.1	7.4	7.9	6.67	7.37	8.50	22.53	2.75	2.74	25.27	23.99	
79	NK.088	Hà Tâm Như	09/10/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.8	7.4	4.6	7.4	7.2	6.5	6.0	7.1	6.6	6.6	7.3	7.5	6.85	6.65	6.50	20.00	2.75	2.75	22.75	21.47	
80	NK.089	Bàn Thị Hồng Nhung	05/12/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.7	6.3	5.8	6.4	6.2	7.0	6.8	6.7	6.7	6.9	6.1	7.7	6.63	6.58	7.00	20.22	2.75	2.75	22.97	21.69	
81	NK.090	Bùi Hồng Nhung	22/12/2006	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	5.3	6.2	5.0	7.3	5.9	5.5	7.4	7.3	6.2	6.6	8.2	7.5	5.95	7.12	8.75	21.82	2.75	2.75	24.57	23.29	
82	NK.091	Sùng Y Nông	01/4/2006	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	4.9	6.1	5.9	7.0	5.4	5.2	6.3	6.6	6.6	7.1	7.3	8.0	5.88	6.85	8.50	21.23	2.75	2.75	23.98	22.70	
83	NK.092	Sa Thị Phước	29/12/2006	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.5	6.0	7.1	6.1	4.9	5.1	6.5	6.8	6.6	7.1	5.3	6.1	6.03	6.32	7.50	19.85	2.75	2.75	22.60	21.32	
84	NK.094	Bùi Thị Mai Phương	04/08/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	5.4	5.5	5.1	6.6	6.4	6.1	6.6	7.3	6.3	6.9	7.2	7.4	6.10	6.70	9.25	22.05	1.50	1.50	23.55	22.27	
85	NK.095	Nguyễn Thu Phương	02/3/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	5.1	4.2	3.6	4.8	5.0	5.2	4.3	5.9	6.4	5.3	7.7	6.9	5.20	5.53	6.50	17.23	2.75	2.75	19.98	18.70	
86	NK.096	Quách Thị Thu Phương	07/6/2007	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK	5.6	6.3	7.3	6.6	5.8	6.2	5.3	6.2	7.4	6.9	7.6	7.4	6.37	6.73	9.75	22.85	2.75	2.62	25.47	24.19	
87	NK.097	Lý Thu Phương	11/02/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK													6.00	8.50	8.75	23.25	2.75	2.48		25.73	
88	NK.098	Quách Thị Thu Phương	23/3/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	7.8	8.3	5.5	6.6	8.3	7.8	5.6	7.8	7.9	7.7	7.4	8.7	7.97	6.93	8.75	23.65	1.25	1.06	24.71	23.43	
89	NK.100	Bùi Ngọc Quyên	13/6/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK													7.50	5.50	9.50	22.50	2.75	2.75		25.25	
90	NK.101	Đinh Thị Hồng Quyên	28/6/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	5.6	6.4	6.5	7.4	5.4	6.6	6.8	6.9	6.8	7.2	7.2	7.1	6.33	6.98	7.00	20.32	0.75	0.75	21.07	19.79	
91	NK.102	Bùi Diễm Quỳnh	21/10/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.2	6.7	5.6	6.1	7.0	6.8	6.4	6.9	6.5	6.8	8.3	8.1	6.67	6.90	9.75	23.32	1.50	1.34	24.65	23.37	
92	NK.103	Bùi Như Quỳnh	19/5/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.2	6.7	5.9	6.8	5.9	6.4	6.2	6.9	6.6	7.4	8.1	8.0	6.53	6.98	8.25	21.77	2.75	2.75	24.52	23.24	
93	NK.105	Kim Thị Tâm	21/10/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK													7.75	9.00	9.75	26.50	0.50	0.23		26.73	
94	NK.106	Bùi Thị Thắm	28/5/2005	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	5.0	5.5	5.4	4.9	5.1	5.3	6.3	4.1	6.6	7.0	7.9	7.5	5.75	6.02	7.50	19.27	2.75	2.75	22.02	20.74	
95	NK.108	Đinh Yến Thanh	25/02/2006	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	7.0	6.9	5.9	7.3	7.3	7.4	7.5	8.1	7.5	7.6	6.6	7.7	7.28	7.18	8.50	22.97	2.75	2.58	25.55	24.27	
96	NK.109	Bùi Phương Thảo	28/7/2003	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	7.9	7.8	7.4	8.6	7.5	7.9	8.0	7.7	7.6	7.8	8.2	7.9	7.75	7.97	9.50	25.22	2.00	1.28	26.49	25.21	
97	NK.110	Bùi Thanh Thảo	04/11/2007	M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK	7.7	6.5	6.6	6.0	7.0	6.7	6.9	6.5	6.8	6.7	6.3	8.1	6.90	6.73	9.25	22.88	2.75	2.61	25.49	24.21	
98	NK.111	Bùi Thị Phương Thảo	01/3/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	7.3	8.6	6.1	7.9	8.6	8.4	6.7	8.6	8.8	8.6	6.8	8.6	8.38	7.45	8.75	24.58	2.75	1.99	26.57	25.29	

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn XT	Điểm THPT												Điểm TBC Môn 1	Điểm TBC Môn 2	Điểm thi năng khiếu	Tổng điểm 3 môn	Điểm ưu tiên (Khu vực + Đối tượng)	Điểm ưu tiên (Đã tính quy đổi)	Tổng điểm xét tuyển học bạ	Tổng điểm xét tuyển điểm thi THPT	Ghi chú
						K1-M1-Lớp 10	K2-M1-Lớp 10	K1-M2-Lớp 10	K2-M2-Lớp 10	K1-M1-Lớp 11	K2-M1-Lớp 11	K1-M2-Lớp 11	K2-M2-Lớp 11	K1-M1-Lớp 12	K2-M1-Lớp 12	K1-M2-Lớp 12	K2-M2-Lớp 12									
99	NK.112	Bùi Thị Phương Thảo	29/5/2006	M10	Toán, Tiếng Anh, NK	6.0	6.2	5.5	6.5	4.8	6.8	6.8	7.4	6.2	6.8	6.9	7.8	6.13	6.82	8.75	21.70	2.75	2.75	24.45	23.17	
100	NK.114	Mai Thanh Thảo	26/10/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	7.6	8.0	8.3	8.2	8.2	8.1	7.9	8.4	8.4	8.4	8.2	8.4	8.12	8.23	9.75	26.10	0.75	0.39	26.49	25.21	
101	NK.115	Ngô Phương Thảo	18/02/2006	M07	Ngữ Văn, Địa lý, NK	6.9	6.8	5.5	5.9	5.6	6.3	6.5	8.1	7.6	7.0	7.6	8.2	6.70	6.97	9.75	23.42	0.75	0.66	24.08	22.80	
102	NK.117	Quách Thanh Thảo	25/8/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	5.7	6.9	8.1	7.6	5.6	5.8	6.2	7.6	6.0	6.3	7.9	7.7	6.05	7.52	7.50	21.07	2.75	2.75	23.82	22.54	
103	NK.118	Bùi Thị Anh Thơ	02/10/2007	M00	Ngữ văn, Toán, NK	7.7	6.4	5.9	5.1	5.3	6.1	4.7	5.4	5.7	6.5	6.4	6.9	6.28	5.73	8.25	20.27	2.75	2.75	23.02	21.74	
104	NK.119	Bùi Ánh Thư	12/5/2006	M00	Ngữ văn, Toán, NK	5.8	7.1	5.7	6.9	7.2	7.2	7.1	6.8	7.3	8.0	6.4	7.1	7.10	6.67	6.50	20.27	2.75	2.75	23.02	21.74	
105	NK.120	Hà Thanh Thúy	14/6/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.3	6.1	6.7	6.4	6.4	7.7	6.6	6.8	7.4	7.9	7.2	7.3	6.97	6.83	6.75	20.55	2.75	2.75	23.30	22.02	
106	NK.121	Bùi Thị Thu Thủy	05/8/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	7.2	6.9	6.3	6.3	7.6	7.3	8.0	7.2	6.8	7.5	8.6	8.8	7.22	7.53	9.25	24.00	2.75	2.20	26.20	24.92	
107	NK.122	Bùi Thị Thanh Trà	21/11/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	7.7	7.4	6.0	7.8	7.8	7.2	7.3	8.9	7.8	6.7	9.3	9.5	7.43	8.13	8.00	23.57	2.75	2.36	25.93	24.65	
108	NK.123	Bùi Ngọc Trâm	20/9/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	7.0	6.9	5.9	7.0	6.2	7.1	6.2	7.3	6.3	6.7	7.6	7.4	6.70	6.90	8.75	22.35	2.75	2.75	25.10	23.82	
109	NK.124	Bùi Huyền Trang	23/9/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	5.4	5.3	5.9	6.4	5.3	5.5	5.9	6.0	5.3	7.7	7.9	8.3	5.75	6.73	6.75	19.23	1.50	1.50	20.73	19.45	
110	NK.125	Nguyễn Thu Trang	16/9/2004	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	6.7	6.9	7.1	7.5	6.9	6.8	5.0	7.6	7.7	7.9	8.0	8.8	7.15	7.33	7.25	21.73	0.00	0.00	21.73	20.45	
111	NK.126	Nguyễn Thu Trang	21/10/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	6.3	6.6	7.3	6.9	6.2	6.0	6.5	7.8	7.7	8.4	8.2	8.0	6.87	7.45	8.00	22.32	2.75	2.75	25.07	23.79	
112	NK.127	Phan Huyền Trang	14/11/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK													7.25	7.75	8.00	23.00	1.50	1.40		24.40	
113	NK.128	Quách Khánh Trang	04/04/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	5.9	6.3	7.6	6.5	5.0	6.3	8.2	8.1	6.2	7.1	8.2	9.1	6.13	7.95	7.75	21.83	2.75	2.75	24.58	23.30	
114	NK.129	Hàng A Trường	14/10/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	5.0	5.2	5.3	6.2	5.0	4.1	5.0	5.9	6.1	6.3	7.3	7.4	5.28	6.18	9.25	20.72	2.75	2.75	23.47	22.19	
115	NK.130	Bùi Thị Thu Uyên	20/12/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	6.1	7.1	6.7	7.0	8.2	7.2	5.2	7.3	7.4	7.6	6.7	7.2	7.27	6.68	6.00	19.95	2.75	2.75	22.70	21.42	
116	NK.131	Đinh Thảo Vân	15/12/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch Sử, NK													6.75	8.25	8.25	23.25	2.75	2.48		25.73	
117	NK.132	Hà Hải Vân	26/11/2007	M07	Ngữ văn, Địa lý, NK	7.6	7.8	7.3	7.1	7.6	7.8	7.9	8.1	8.9	8.1	8.2	8.7	7.97	7.88	9.75	25.60	2.75	1.61	27.21	25.93	
118	NK.133	Đinh Thị Hà Vy	29/11/2007	M00	Ngữ văn, Toán, NK	7.2	7.9	4.9	5.7	7.5	6.3	4.6	5.3	6.2	7.4	6.3	6.7	7.08	5.58	6.00	18.67	2.75	2.75	21.42	20.14	
119	NK.134	Hà Thị Hà Vy	04/05/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK													7.75	9.00	6.00	22.75	2.75	2.66		25.41	
120	NK.136	Phạm Thảo Vy	27/12/2007	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK													7.75	9.25	7.00	24.00	0.75	0.60		24.60	
121	NK.137	Lương Thị Xuân	17/6/1996	M05	Ngữ Văn, Lịch sử, NK	5.6	6.7	6.3	7.3	6.6	6.5	5.3	6.9	6.8	6.6	7.1	7.0	6.47	6.65	8.00	21.12	2.00	2.00	23.12	21.84	

Danh sách gồm 121 thí sinh./.

Phủ Thọ, ngày 07 tháng 11 năm 2025
KT.CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Trọng Nghĩa